

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

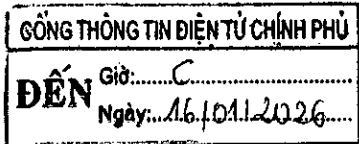
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *MO* /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày *16* tháng *01* năm *2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 28 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Căn cứ Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết

số 46-NQ/TW ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

Theo đề nghị của Chủ tịch Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tại Tờ trình số 51/TTr-HNDTW ngày 06 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Nâng cao vai trò nòng cốt, chủ lực của Hội Nông dân Việt Nam trong tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng, đề cao ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm vì cộng đồng, thu hút ngày càng nhiều hội viên, nông dân, tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn.

2. Xác định nông dân là chủ thể, Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp là nền tảng; ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng quy trình, tiêu chuẩn chất lượng là phương thức chủ đạo để thay đổi hành vi, chuyển đổi thực hành cho nông dân trong sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn.

3. Thông tin, tuyên truyền phải có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng tuyên truyền trực tiếp ở cơ sở gắn với đặc thù từng địa bàn, khu vực, đến từng chi, tổ Hội và hội viên, nông dân; xây dựng các mô hình điểm trình diễn theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn thực phẩm để tuyên truyền, nhân rộng và khuyến khích, huy động hội viên, nông dân tham gia, hình thành các chuỗi giá trị nông sản, cung ứng thực phẩm an toàn, góp phần bảo đảm người dân được sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn.

4. Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ và bố trí đầy đủ nguồn lực, tạo điều kiện cho Hội Nông dân thông tin, tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, trình độ, hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân, tổ hợp tác, hợp tác

xã nông nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh bảo đảm an toàn thực phẩm; xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương, vùng, miền.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao vai trò, hiệu quả tham gia bảo đảm an toàn thực phẩm của Hội Nông dân; phát huy vai trò, khơi dậy tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng của hội viên, nông dân trong sản xuất, kinh doanh; thu hút ngày càng nhiều hội viên, nông dân, cá nhân và tổ chức tham gia phát triển các chuỗi giá trị nông sản, cung ứng thực phẩm an toàn; nhân rộng các mô hình sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng tiên tiến, chất lượng; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Trên 95% hộ hội viên nông dân sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm.

b) Tư vấn, hỗ trợ ít nhất 3.000 Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, 18.000 Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ ít nhất 1.500 hợp tác xã, 4.500 tổ hợp tác trong nông nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn, trong đó có ít nhất 300 hợp tác xã kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

d) 100% sản phẩm OCOP nông sản thực phẩm do Hội Nông dân vận động, tư vấn, hỗ trợ được truy xuất nguồn gốc.

đ) 100% cán bộ Hội Nông dân làm công tác tư vấn, hỗ trợ được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ nông dân sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện Đề án: Trên địa bàn của 34 tỉnh/thành phố.

2. Đối tượng của Đề án

a) Hội viên, nông dân, chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, chủ thể OCOP, hợp tác xã, tổ hợp tác trong nông nghiệp và các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

b) Cán bộ Hội Nông dân các cấp, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức, vận động, thu hút hội viên, nông dân tham gia bảo đảm an toàn thực phẩm:

a) Đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm; tổ chức tập huấn, hội nghị, diễn đàn, tọa đàm, nâng cao nhận thức, kiến thức; xây dựng văn hóa sản xuất, tiêu dùng thực phẩm an toàn trong nông dân.

b) Vận động hội viên, nông dân tham gia, ký cam kết, chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn; đưa an toàn thực phẩm vào sinh hoạt chi, tổ hội, câu lạc bộ của nông dân; gắn tuyên truyền với xây dựng mô hình điểm.

c) Tăng cường các hình thức tuyên truyền trực quan, ứng dụng các nền tảng số, mạng xã hội; thăm quan mô hình, trải nghiệm sản xuất; hưởng ứng tháng hành động, các đợt cao điểm về an toàn thực phẩm hàng năm.

d) Phát huy hệ thống truyền thông giới thiệu các mô hình, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm, tầm quan trọng đối với sức khỏe; tuyên truyền chế tài xử phạt, lên án các hành vi vi phạm; đăng tải danh sách các cơ sở vi phạm an toàn thực phẩm bị xử lý; tạo dư luận xã hội, tẩy chay các sản phẩm, hàng hóa không đảm bảo an toàn thực phẩm.

đ) Nâng cao chất lượng phong trào “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, phong trào “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp” gắn với các mô hình an toàn thực phẩm, phong trào “Nông dân nói không với thực phẩm bẩn”.

e) Tôn vinh, biểu dương hội viên, nông dân, hợp tác xã tiêu biểu trong sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn để tạo sức lan tỏa; chia sẻ thông tin, dữ liệu về an toàn thực phẩm.

2. Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân, chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp thực hành về an toàn thực phẩm:

a) Tập huấn, hướng dẫn cho hội viên, nông dân các phương pháp chế biến, bảo quản khoa học, sử dụng đúng cách hóa chất bảo vệ thực vật, an toàn thức ăn chăn nuôi, phân bón, hóa chất xử lý nước nuôi; sử dụng chế phẩm hữu cơ, sinh học.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân xây dựng, nhân rộng các mô hình xanh, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, VietGAP trong trồng trọt; mô hình 3F, VietGAP trong chăn nuôi; nuôi hữu cơ, sinh thái, IMTA, Aquaponics, VietGAP trong nuôi trồng thủy sản; tham gia chuỗi giá trị.

c) Tư vấn, hỗ trợ chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị; áp dụng các quy trình GMP, GHP, biện pháp SPS trong sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

d) Tư vấn, hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã phát triển các vùng sản xuất tập trung theo tiêu chuẩn chất lượng (VietGAP, GlobalGAP, HACCP...), áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

đ) Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa nông sản, phát triển sản phẩm OCOP, đăng ký mã số vùng trồng, vùng nuôi, xây dựng mã QR code truy xuất nguồn gốc nông sản.

e) Hỗ trợ hội viên, nông dân, chi Hội, tổ Hội Nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm, xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

3. Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân, chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh gắn với an toàn thực phẩm:

a) Tập huấn, hướng dẫn cho hội viên, nông dân, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã các kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị thông minh, công nghệ mạng an toàn, thay đổi tư duy và phương thức sản xuất, kinh doanh.

b) Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân, chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã sử dụng sổ nhật ký điện tử, QR code truy xuất nguồn gốc, ứng dụng IoT, AI, BigData, Blockchain..., phát triển các mô hình thông minh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

c) Tăng cường chuyển giao khoa học công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, bảo quản, chế biến; tiêu thụ nông sản trên các nền tảng số, sàn thương mại điện tử; nhân rộng, kết nối mô hình cửa hàng “Nông sản an toàn”.

4. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân tham gia kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội trong lĩnh vực an toàn thực phẩm:

a) Đẩy mạnh phong trào nông dân phát hiện, tố giác, lên án hành vi vi phạm an toàn thực phẩm, bảo vệ người phát hiện, tố giác; vận động, khuyến khích nông dân giám sát nội bộ trong sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm.

b) Xây dựng, nhân rộng mô hình nông dân giám sát cộng đồng về an toàn thực phẩm, tập trung giám sát đối với các hộ, cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ; việc sử dụng, kinh doanh vật tư đầu vào trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

c) Phối hợp kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản có quy mô lớn dựa trên đánh giá rủi ro, phân loại nguy cơ; kiểm soát ngay từ yếu tố đầu vào trong sản xuất, kinh doanh.

d) Kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với các tổ, nhóm hộ nông dân vay vốn từ nguồn Quỹ Hỗ trợ nông dân, vốn ủy thác từ các ngân hàng.

đ) Ngăn chặn, kiến nghị xử lý kịp thời việc sử dụng chất cấm, lạm dụng

kháng sinh, hoá chất không rõ nguồn gốc trong tất cả các khâu, từ nguyên liệu đến sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

e) Tham gia phản biện xã hội trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; phối hợp kiểm tra việc thực hiện các hoạt động của Đề án.

5. Nâng cao chất lượng tham gia hỗ trợ thực hành về an toàn thực phẩm của Hội Nông dân các cấp:

a) Bồi dưỡng, học tập trong và ngoài nước cho lãnh đạo và cán bộ Hội Nông dân các cấp về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

b) Đưa an toàn thực phẩm trở thành nhiệm vụ công tác Hội Nông dân, ưu tiên vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cho sản xuất, kinh doanh an toàn thực phẩm. Đánh giá chất lượng dịch vụ, vật tư đầu vào trong sản xuất nông nghiệp thông qua các chỉ số đánh giá.

c) Kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp, bảo lãnh cung ứng vật tư đầu vào trong sản xuất nông nghiệp có chất lượng tốt cho nông dân.

d) Phối hợp tổ chức cho nông dân tham gia giới thiệu, quảng bá nông sản, thực phẩm an toàn tại các hội chợ, tuần hàng, lễ hội nông sản, điểm du lịch.

đ) Tổ chức cho hội viên, nông dân thăm quan, học tập kinh nghiệm từ các mô hình điểm, mô hình sản xuất tiên tiến giữa các địa phương, vùng, miền.

6. Tăng cường vai trò của Hội Nông dân trong hợp tác quốc tế về an toàn thực phẩm:

a) Vận động, thu hút các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ nông dân chuyển giao khoa học, công nghệ; sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm an toàn.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập, chia sẻ kinh nghiệm về an toàn thực phẩm với các nước trong khu vực và trên thế giới. Mở rộng quan hệ với các đối tác, tổ chức quốc tế để hợp tác trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

7. Phát huy vai trò của các tổ chức trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp thống nhất hành động tham gia bảo đảm an toàn thực phẩm:

a) Các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường phối hợp với Hội Nông dân tuyên truyền, vận động, tập huấn cho hội viên, đoàn viên về an toàn thực phẩm, lồng ghép thực hiện nội dung Đề án phù hợp với nhiệm vụ, chương trình, đề án của từng tổ chức.

b) Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phối hợp với Hội Nông dân hướng dẫn, hỗ trợ các tổ hợp tác, hợp tác xã kiện toàn tổ chức, hoạt động, tiếp cận vốn từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã xây dựng chuỗi cung ứng nông sản, thực phẩm an toàn.

c) Các hội, hiệp hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tăng cường phối hợp với Hội Nông dân tuyên truyền, vận động hội viên, gia đình và nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, tham gia giám sát, phản biện xã

hội về an toàn thực phẩm.

d) Biểu dương, khen thưởng các điển hình tiên tiến, xuất sắc trong tham gia bảo đảm an toàn thực phẩm gắn với các phong trào thi đua, các cuộc vận động.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan; vốn tín dụng, vốn của tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác; bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Trung ương Hội)

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam, các đoàn thể, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Đề án hàng năm; giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết các hoạt động của Đề án.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng chương trình phối hợp tổ chức thực hiện Đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; tổ chức các diễn đàn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các cấp Hội Nông dân xây dựng kế hoạch, phối hợp với các ngành chức năng thực hiện Đề án; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương.

d) Chỉ đạo Hội Nông dân tỉnh/thành phố phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan đề xuất, bố trí kinh phí, nguồn lực từ ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án, xây dựng chương trình phối hợp để triển khai thực hiện Đề án tại địa phương; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất trong quá trình thực hiện Đề án.

đ) Chủ trì xây dựng các chương trình, dự án thông tin, tuyên truyền, mô hình sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng bảo đảm an toàn thực phẩm và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành. Lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án hàng năm gửi Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổng hợp gửi Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan để bố trí nguồn vốn ngân sách trung ương theo quy định.

e) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án; đề xuất bổ sung, điều chỉnh nội dung của Đề án bảo đảm phù hợp với thực tế trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (nếu cần thiết).

g) Tham mưu, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện Đề án; tôn vinh nông dân, hợp tác xã tiêu biểu trong sản xuất, kinh doanh an toàn thực phẩm gắn với các sự kiện do Hội Nông dân tổ chức; kiến nghị các biện pháp bảo vệ người phát hiện, tố giác hành vi vi phạm an toàn thực phẩm khi cần thiết.

2. Bộ Tài chính

a) Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan thực hiện Đề án, tổng hợp nhu cầu, cân đối trình cấp có thẩm quyền phân bổ, bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước; lồng ghép trong các chương trình, dự án, đề án có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Đề án.

b) Phối hợp với Trung ương Hội bồi dưỡng, tập huấn, tư vấn chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với sản xuất, kinh doanh an toàn thực phẩm cho cán bộ, hội viên, nông dân, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Phối hợp với Trung ương Hội thực hiện một số hoạt động của Đề án, lồng ghép các hoạt động của Đề án theo lĩnh vực, nhiệm vụ của Bộ và trong hợp phần Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc trách nhiệm của Bộ được giao chủ trì.

b) Bố trí kinh phí cho Hội Nông dân thực hiện thông tin, tuyên truyền, xây dựng mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn thực phẩm từ nguồn kinh phí của Bộ được cấp hằng năm.

c) Phối hợp với Trung ương Hội bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn; xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin vùng trồng, vùng nuôi phục vụ truy xuất nguồn gốc; kiểm tra, giám sát đầu vào trong sản xuất.

d) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Hội Nông dân thực hiện Đề án phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của Bộ.

4. Bộ Y tế

a) Phối hợp với Trung ương Hội thực hiện một số hoạt động của Đề án, lồng ghép các hoạt động của Đề án theo lĩnh vực, nhiệm vụ của Bộ và trong Chương trình Sức khỏe Việt Nam, Chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về an toàn thực phẩm; bố trí kinh phí cho Hội Nông dân thực hiện thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm từ nguồn kinh phí của Bộ được cấp hằng năm; phối hợp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện, xác nhận kiến thức, đánh giá, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Hội Nông dân thực hiện Đề án phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của Bộ.

5. Bộ Công Thương: Phối hợp với Trung ương Hội thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại; hướng dẫn xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường, quảng bá, tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn tại thị trường trong nước và ngoài nước.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Trung ương Hội thực hiện các hoạt động của Đề án để tổng hợp trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia; hướng dẫn, hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong

tuyên truyền, phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực truyền thông về an toàn thực phẩm cho cán bộ Hội Nông dân.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với Trung ương Hội thực hiện lồng ghép, triển khai các hoạt động của Đề án trong Chiến lược, các chương trình, hoạt động phát triển du lịch; hướng dẫn, hỗ trợ các cấp Hội Nông dân về việc bảo đảm an toàn thực phẩm trong hoạt động du lịch. Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tấn, xuất bản và thông tin điện tử phối hợp với Hội Nông dân thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của Bộ.

8. Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Phối hợp với Trung ương Hội lồng ghép thực hiện các hoạt động của Đề án trong thực hiện các chương trình, đề án, chính sách về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo có liên quan và trong hợp phần Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc trách nhiệm của Bộ được giao chủ trì.

9. Bộ Công an: Phối hợp với Trung ương Hội thực hiện các hoạt động tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm; ngăn chặn, xử lý và hỗ trợ xử lý các hành vi vi phạm quy định về an ninh, an toàn thực phẩm.

10. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam: Phối hợp chặt chẽ với Trung ương Hội đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn trên đa nền tảng; xây dựng các chương trình phối hợp truyền thông; chỉ đạo các cơ quan, văn phòng thường trú tại địa phương phối hợp với Hội Nông dân và đài, báo địa phương tổ chức thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

11. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Căn cứ nội dung Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án phù hợp với điều kiện tại địa phương.

b) Chủ động bố trí ngân sách địa phương, nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác để Hội Nông dân các cấp trên địa bàn triển khai thực hiện Đề án, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ với Hội Nông dân tỉnh/thành phố trong xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí, nguồn lực, có giải pháp phù hợp tổ chức thực hiện Đề án; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn.

12. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam), Mặt trận Tổ quốc các cấp ở địa phương, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hội, hiệp hội liên quan phối hợp với Hội Nông dân Việt Nam tuyên truyền, vận động, hỗ trợ đoàn

viên, hội viên tham gia thực hiện Đề án; lồng ghép các hoạt động của Đề án trong thực hiện các chương trình, đề án có liên quan. Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án hằng năm gửi Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chủ tịch Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, PL, NN, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

68

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Thành Long